TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 363/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 9, ngày 29 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 341/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

- Ông Nguyễn N, sinh năm 1985.
- Bà Trần P, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: số A Đường X, tổ 3, khu phố 4, phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Người yêu cầu ông Nguyễn N và bà Trần P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100/2010 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/8/2010. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Ngọc và bà Phương là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa ông N, bà P phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không có sự quan tâm chia sẻ, không tôn trọng nhau. Ông N bà P đã tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng. Xét tình trạng hôn nhân giữa ông N bà P đã trầm trọng, cuộc sống chung thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được; Ông N bà P xác định không còn tình cảm vợ chồng nên việc ông N bà P yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 19/8/2008 và Nguyễn T1, sinh ngày 25/12/2018. Ông N bà P thỏa thuận: Con chung do bà Trần P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Nguyễn N cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng) bắt đầu từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tiền cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự giao nhận với nhau vào ngày 10 dương lịch hàng tháng. Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thỏa thuận này của ông N bà P là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của trẻ T tại Tờ trình bày nguyện vọng ngày 15/5/2020 nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông N bà P tự khai không có.

[4] Về nợ chung: Ông N bà P tự khai không có.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn N và bà Trần P thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận kết hôn số 100/2010 Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/8/2010 cho ông Nguyễn N và bà Trần P không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 19/8/2008 và Nguyễn T1, sinh ngày 25/12/2018; Giao con chung cho bà Trần P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Nguyễn N cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Tiền cấp dưỡng do hai bên tự giao nhận vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ khi quyết định của Tòa có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông N bà P tự khai không có.

- Về nợ chung: Ông N bà P tự khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn N, bà Trần P mỗi người chịu một nửa, được cấn trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông N, bà P đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0013510 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N, bà P đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM
- Chi cục THADS Q.9
- UBND P. Phước Long A, Q.9, TP HCM;
- VKSND Q.9;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hợi